

## Biểu số 3

## PHÂN BỐ CHI TIẾT DỰ PHÒNG (10%) KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 vốn NSDP dự phòng (10%)						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Chi tiết vốn từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>373.470</b>	<b>66.253</b>	<b>66.253</b>	<b>69.632</b>	<b>80.266</b>	<b>91.066</b>	
1	Dự phòng đã trích lập và giao thực hiện các năm 2021, 2022				132.506	66.253	66.253		0	0	
2	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	82/NQ-HĐND 02/4/2022	210.000	210.000	210.000			69.632	66.266	74.102	Đã giao tại NQ88
3	Sửa chữa Sân vận động tỉnh Điện Biên	569/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	14.000	14.000	14.000				14.000	0	Thực vụ kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ
4	Dự phòng còn lại chưa phân bổ				16.964					16.964	Dự kiến phân bổ thực hiện các dự án trụ sở công an xã theo Đề án được cấp thẩm quyền phê duyet

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao (tại QĐ số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022)				Điều chỉnh kế hoạch vốn NSDP năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/5/2023		Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<b>TỔNG SỐ</b>						1.459.445	420.700	249.000	49.000	48.909	20.700	55.140	25.140	16.032	16.032	249.000	49.000	
<b>B</b>	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xô số kiến thiết)</b>						1.438.445	399.700	244.500	44.500	48.909	20.700	54.990	24.990	12.532	12.532	244.500	44.500	
<b>III</b>	<b>NSDP cấp tỉnh quản lý</b>						1.438.445	399.700	244.500	44.500	48.909	20.700	54.990	24.990	12.532	12.532	244.500	44.500	
<b>III.3</b>	<b>Các dự án trọng điểm</b>						1.300.000	320.000	220.000	20.000	28.506	296	33.000	3.000	11.732	11.732	208.268	8.268	
(1)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						1.300.000	320.000	220.000	20.000	28.506	296	33.000	3.000	11.732	11.732	208.268	8.268	
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	B	TP ĐBP - huyện Điện Biên	36,02 km	2021-2024	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	220.000	20.000	28.506	296	33.000	3.000		11.732	208.268	8.268	Tỷ lệ giải ngân thấp; NSTW 200 tỷ
<b>III.4</b>	<b>Phân theo ngành/lĩnh vực</b>						138.445	79.700	24.500	24.500	20.403	20.403	21.990	21.990	12.532	800	36.232	36.232	
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn						16.900	10.000	500	500			75	75		221	279	279	
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>						16.900	10.000	500	500			75	75		221	279	279	
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	C	TP ĐBP		2022-2023	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	500	500			75	75		221	279	279	Hết nhu cầu vốn
<b>10.3</b>	<b>Giao thông</b>						76.900	40.300	11.500	11.500	7.951	7.951	9.463	9.463	532	579	11.453	11.453	
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>						63.900	27.300	6.300	6.300	3.263	3.263	4.775	4.775		579	5.721	5.721	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường Trụ Sở xã mới - Bán Chua Ta B, huyện ĐBĐ	C	ĐBĐ	3,0 km	2021-2023	1365/QĐ-UBND 30/7/2021	10.000	6.400	3.000	3.000	2.797	2.797	2.797	2.797		131	2.869	2.869	Hết nhu cầu vốn
2	Sửa chữa, nâng cấp đường Háng Lìa, Tia Đình, huyện ĐBĐ	C	ĐBĐ	5,0 km	2021-2023	1364/QĐ-UBND 30/7/2021	14.000	9.000	1.500	1.500			225	225		401	1.099	1.099	Hết nhu cầu vốn
3	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chá	C	MC	4,0 km	2021-2023	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	1.800	1.800	466	466	1.753	1.753		47	1.753	1.753	Hết nhu cầu vốn
(2)	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						13.000	13.000	5.200	5.200	4.688	4.688	4.688	4.688	532		5.732	5.732	
1	NC SC đường nội thị, thảm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	C	ĐBĐ	3,4 km	2022-2024	748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	5.200	5.200	4.688	4.688	4.688	4.688	532		5.732	5.732	Đã hoàn thành; Giải ngân 6 tháng 2023 trên 90% kế hoạch vốn
<b>11</b>	<b>Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN</b>						44.645	29.400	12.500	12.500	12.452	12.452	12.452	12.452	12.000		24.500	24.500	
(1)	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>						44.645	29.400	12.500	12.500	12.452	12.452	12.452	12.452	12.000		24.500	24.500	
5	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	C	Mường Ảng	300 chỗ	2021-2023	1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	10.000		16.500	16.500	Thực hiện đầu tư bổ sung thiết bị
6	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	C	TP ĐBP	5 tầng	2021-2023	3071/QĐ-UBND 29/11/2021; 495/QĐ-UBND 30/3/2023	14.400	14.400	6.000	6.000	5.952	5.952	5.952	5.952	2.000		8.000	8.000	Thực hiện hạng mục đầu tư được bổ sung
<b>C</b>	<b>Vốn xô số kiến thiết</b>						21.000	21.000	4.500	4.500			150	150	3.500	3.500	4.500	4.500	
<b>1</b>	<b>Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp</b>						8.000	8.000	1.000	1.000			150	150	3.500		4.500	4.500	
(3)	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>						8.000	8.000	1.000	1.000			150	150	3.500		4.500	4.500	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao (tại QĐ số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022)						Điều chỉnh kế hoạch vốn NSDP năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/5/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Su phạm	C	TP ĐBP		2023-2025	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	1.000	1.000			150	150	3.500		4.500	4.500	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện để phục vụ công tác chuẩn bị kỷ niệm 70 năm chiến thắng ĐBP
III	Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới						13.000	13.000	3.500	3.500					3.500				Chưa hoàn thành thủ tục đầu tư



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được giao											Tổng Kế hoạch vốn trung hạn đã được giao từ năm 2021 đến năm 2023	Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh						Ghi chú	
					Tổng kế hoạch vốn trung hạn đã được giao và giải ngân từ năm 2021 đến năm 2023												Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					
		Trong đó:											Năm 2022		Năm 2023		Tăng	Giảm	Trong đó: vốn NSTW					
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			KH vốn giao		Giải ngân			KH vốn giao	Ước giải ngân KH 2023				Tổng số	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: KH vốn 2022 được kéo dài sang năm 2023	Tổng số	Giải ngân KH vốn 2022 trong năm KH	Giải ngân KH vốn 2022 kéo dài sang năm 2023				Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		10.000	4.576	4.576	4.576	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.576	4.576	4.576	4.576	0	0		
II.1	<b>ĐƠN VỊ CẤP TỈNH</b> (Dự án 4: Phát triển giáo dục NN, việc làm bền vững)		10.000	4.576	4.576	4.576	-	-	0	-	-	0	-	0	0	0	4.576	4.576	4.576	4.576	0	0		
II.1.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		10.000	4.576	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.576	0	4.576	4.576	0	0		
(2)	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên		10.000	4.576	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.576	0	4.576	4.576	0	0		
1	Cải tạo, sửa chữa khu giảng đường và hạng mục phụ trợ		10.000	4.576													4.576		4.576	4.576			Lỗ ghép vốn CDNSDP	
II.1.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		0	0	4.576	4.576	-	-	0	-	-	0	-	0	0	0	0	4.576	0	0	0	0	0	
(1)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		0	0	4.576	4.576	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.576	0	0	0	0	0	
1	Vốn chưa phân bổ (do chưa có nội dung đề xuất)				4.576	4.576												4.576						Không có nội dung đề xuất đầu tư
B	<b>VỐN ĐỐI ỨNG CÁN ĐỐI NGÀN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b> (Đã đầu tư bằng 1 nguồn vốn)		91.700	-	91.700	-	-	-	5.439	-	-	5.439	-	5.000	5.000	10.439	0	0	77.200	0	0	0	0	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 16/11/2021			14.500				5.439			5.439		5.000	5.000	10.439								Bỏ ra khỏi danh mục đối ứng vốn NSDP theo ý kiến KTNN Chuyên ngành V
	<b>Bổ sung danh mục Vốn đối ứng NSDP (tối thiểu 3% tổng NSTW hỗ trợ thực hiện tiêu D.A2)</b>				38.600														38.600					
1	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè và hạ tầng kỹ thuật đường nội thị (QL279) qua thị trấn Mường Ảng				34.000														34.000					NSDP cấp huyện.
2	Nâng cấp cầu khối Đồng Tâm + Mặt đường khối Huổi Cù, thị trấn Tuần Giáo.				4.600														4.600					NSDP cấp huyện.